

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đối tượng, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thi điểm một số cơ chế, chính sách
đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số
227/2025/QH15 và Nghị quyết số 259/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa
đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp
trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 và Công văn số 846/UBND-STC ngày 04 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức thu, đối tượng, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số .../BC-ĐT ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ban Đô thị HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đối tượng, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Điều 1. Quy định mức thu, đối tượng, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (bao gồm các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã được Chính phủ phân quyền, phân cấp, giao cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định).

2. Mức thu phí

Mức thu phí cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

3. Tổ chức thu phí

a) Đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong phạm vi Khu công nghệ cao, Khu công nghệ số tập trung, Khu thương mại tự do, các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc UBND thành phố có chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng trên địa bàn thành phố.

b) Đối với các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc điểm a khoản này và thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng do Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ủy quyền theo quy định: Tổ chức thu phí là Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng.

c) Đối với các dự án đầu tư, cơ sở không thuộc điểm a khoản này và thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã do Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định: Tổ chức thu phí là UBND cấp xã.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Tổ chức thu phí có trách nhiệm kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

b) Tổ chức thu phí nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, Mục, Tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Nguồn kinh phí phục vụ công tác thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 02 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam (cũ) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 6 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài Chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường, xã, đặc khu;
- Báo và PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng

Phụ lục
MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIÁY
PHÉP MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Đối tượng thu phí	Mức phí thu (đồng/hồ sơ) ⁽¹⁾
1	Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	16.000.000
2	Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	9.000.000
3	Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường	
a	Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư có số thứ tự 1 Mục I Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	30.000.000
b	Cơ sở không thuộc điểm a nêu trên	9.000.000

Ghi chú:

(1) Mức thu phí được tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường.